

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH (03 THÁNG)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SVHTTDL ngày tháng 4 năm 2026
 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bắc Ninh)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bắc Ninh công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 03 tháng như sau:

ĐVT: triệu đồng

TOÀN NGÀNH SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH					
Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 (3 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	7.005	1.918	27,380	
I	Số thu phí, lệ phí, thu khác	7.005	1.918	27,380	
1	Lệ phí	238	16	6,723	
	Lệ phí...	238	16	6,723	
	Lệ phí...	-	-		
2	Phí	-	-		
	Phí...	-	-		
	Phí ...	-	-		
3	Thu khác	6.767	1.902	28,107	
	Thu học phí	65	-		
	Thu biểu diễn nghệ thuật	1.350	640	47,407	
	Thu sự nghiệp	137	-		
	Thu cho thuê sân vận động	1.120	277	24,732	
	Thu khác	4.095	985	24,054	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	715		
1	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-	715		
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	715		
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-	-		
2	Chi quản lý hành chính	-	-		
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	-	-		
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	-	-		
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	159	26	16,352	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 (3 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5	6
1	Lệ phí	-	-		
	Lệ phí...	-	-		
	Lệ phí...	-	-		
2	Phí	-	-		
	Phí ...	-	-		
	Phí...	-	-		
3	Thu khác	159	26	16,352	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	416.469	53.087	12,747	
I	Nguồn ngân sách trong nước	416.469	53.087	12,747	
1	Chi quản lý hành chính	23.774	4.824	20,291	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	16.574	4.165	25,127	
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	7.200	659	9,159	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	2.010	-		
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-			
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>	-	-		
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>	-	-		
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-		
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.010	-		
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo</i>	1.010	-		
-	<i>Nhiệm vụ chuyển đổi số</i>	1.000	-		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	13.998	3.414	24,389	
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	9.246	2.609	28,218	
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	4.752	805	16,940	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	-		
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-		
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-	-		
5	Chi bảo đảm xã hội	-	-		
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-		
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-	-		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 (3 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5	6
6	Chi hoạt động kinh tế	-	-		
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-		
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-	-		
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-	-		
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-		
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-	-		
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	184.664	18.492	10,014	
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	56.187	12.832	22,839	
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	128.477	5.660	4,405	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	-	-		
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-		
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-	-		
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	192.023	26.357	13,726	
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	20.459	4.634	22,650	
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	171.564	21.723	12,662	
II	Nguồn vốn viện trợ	-	-		
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	-	-		

ĐVT: triệu đồng

TRONG ĐÓ:		Văn phòng Sở			
Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 (3 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	7	8	9	10
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	200	16	8,000	
I	Số thu phí, lệ phí, thu khác	200	16	8,000	
1	Lệ phí	200	16	8,000	
	Lệ phí...	200	16	8,000	
	Lệ phí...				
2	Phí	-	-		
	Phí...				
	Phí ...				
3	Thu khác	-	-		
	Thu học phí				
	Thu biểu diễn nghệ thuật				
	Thu sự nghiệp				
	Thu cho thuê sân vận động				
	Thu khác				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-		
1	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-	-		
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	Chi quản lý hành chính	-	-		
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	-	-		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 (3 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	7	8	9	10
1	Lệ phí	-	-		
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí	-	-		
	Phí ...				
	Phí...				
3	Thu khác				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	67.468	4.984	7,387	
I	Nguồn ngân sách trong nước	67.468	4.984	7,387	
1	Chi quản lý hành chính	23.774	4.824	20,291	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	16.574	4.165	25,127	
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	7.200	659	9,159	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	800	-		
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-	-		
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>				
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	800	-		
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo</i>	800			
-	<i>Nhiệm vụ chuyển đổi số</i>				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	-	-		
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	-		
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
5	Chi bảo đảm xã hội	-	-		
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 (3 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	7	8	9	10
6	Chi hoạt động kinh tế	-	-		
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-	-		
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	41.364	160	0,387	
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	41.364	160	0,387	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	-	-		
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	1.530	-		
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.530			
II	Nguồn vốn viện trợ	-	-		
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	-	-		

ĐVT: triệu đồng

TRONG ĐÓ:		Trường Trung cấp Văn hóa, Thể thao và Du lịch			
Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 (3 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	11	12	13	14
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	65	-		
I	Số thu phí, lệ phí, thu khác	65	-		
1	Lệ phí	-	-		
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí	-	-		
	Phí...				
	Phí ...				
3	Thu khác	65	-		
	Thu học phí	65			
	Thu biểu diễn nghệ thuật				
	Thu sự nghiệp				
	Thu cho thuê sân vận động				
	Thu khác				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-		
1	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-	-		
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	Chi quản lý hành chính	-	-		
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	-	-		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 (3 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	11	12	13	14
1	Lệ phí	-	-		
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí	-	-		
	Phí ...				
	Phí...				
3	Thu khác				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	13.998	3.414	24,389	
I	Nguồn ngân sách trong nước	13.998	3.414	24,389	
1	Chi quản lý hành chính	-	-		
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	-	-		
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-	-		
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>				
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-	-		
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo</i>				
-	<i>Nhiệm vụ chuyển đổi số</i>				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	13.998	3.414	24,389	
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	9.246	2.609	28,218	
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	4.752	805	16,940	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	-		
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
5	Chi bảo đảm xã hội	-	-		
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 (3 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	11	12	13	14
6	Chi hoạt động kinh tế	-	-		
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-	-		
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-	-		
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	-	-		
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	-	-		
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
II	Nguồn vốn viện trợ	-	-		
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	-	-		

ĐVT: triệu đồng

TRONG ĐÓ:		Bảo tàng Bắc Ninh số 1			
Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 (3 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	15	16	17	18
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	137	-		
I	Số thu phí, lệ phí, thu khác	137	-		
1	Lệ phí	-	-		
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí	-	-		
	Phí...				
	Phí ...				
3	Thu khác	137	-		
	Thu học phí				
	Thu biểu diễn nghệ thuật				
	Thu sự nghiệp	137			
	Thu cho thuê sân vận động				
	Thu khác				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-		
1	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-	-		
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	Chi quản lý hành chính	-	-		
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	74	-		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 (3 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	15	16	17	18
1	Lệ phí	-	-		
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí	-	-		
	Phí ...				
	Phí...				
3	Thu khác	74			
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	14.510	2.321	15,992	
I	Nguồn ngân sách trong nước	14.510	2.321	15,992	
1	Chi quản lý hành chính	-	-		
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	120	-		
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-	-		
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>				
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	120	-		
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo</i>	120			
-	<i>Nhiệm vụ chuyển đổi số</i>				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	-	-		
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	-		
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
5	Chi bảo đảm xã hội	-	-		
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 (3 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	15	16	17	18
6	Chi hoạt động kinh tế	-	-		
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-	-		
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	14.390	2.321	16,126	
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	6.176	1.961	31,752	
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	8.214	360	4,377	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	-	-		
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	-	-		
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
II	Nguồn vốn viện trợ	-	-		
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	-	-		

ĐVT: triệu đồng

TRONG ĐÓ:		Bảo tàng Bắc ninh số 2			
Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 (3 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	19	20	21	22
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-	-		
I	Số thu phí, lệ phí, thu khác	-	-		
1	Lệ phí	-	-		
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí	-	-		
	Phí...				
	Phí ...				
3	Thu khác	-	-		
	Thu học phí				
	Thu biểu diễn nghệ thuật				
	Thu sự nghiệp				
	Thu cho thuê sân vận động				
	Thu khác				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-		
1	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-	-		
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	Chi quản lý hành chính	-	-		
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	-	-		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 (3 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	19	20	21	22
1	Lệ phí	-	-		
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí	-	-		
	Phí ...				
	Phí...				
3	Thu khác				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	20.219	2.526	12,493	
I	Nguồn ngân sách trong nước	20.219	2.526	12,493	
1	Chi quản lý hành chính	-	-		
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	-	-		
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-	-		
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>				
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-	-		
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo</i>				
-	<i>Nhiệm vụ chuyển đổi số</i>				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	-	-		
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	-		
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
5	Chi bảo đảm xã hội	-	-		
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 (3 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	19	20	21	22
6	Chi hoạt động kinh tế	-	-		
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-	-		
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	20.219	2.526	12,493	
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	7.550	1.787	23,669	
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	12.669	739	5,833	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	-	-		
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	-	-		
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
II	Nguồn vốn viện trợ	-	-		
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	-	-		

ĐVT: triệu đồng

TRONG ĐÓ:		Thư viện Bắc Ninh số 1			
Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 (3 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	23	24	25	26
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	18	-		
I	Số thu phí, lệ phí, thu khác	18	-		
1	Lệ phí	18	-		
	Lệ phí...	18			
	Lệ phí...				
2	Phí	-	-		
	Phí...				
	Phí ...				
3	Thu khác	-	-		
	Thu học phí				
	Thu biểu diễn nghệ thuật				
	Thu sự nghiệp				
	Thu cho thuê sân vận động				
	Thu khác				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-		
1	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-	-		
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	Chi quản lý hành chính	-	-		
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	-	-		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 (3 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	23	24	25	26
1	Lệ phí	-	-		
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí	-	-		
	Phí ...				
	Phí...				
3	Thu khác				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	9.455	1.339	14,162	
I	Nguồn ngân sách trong nước	9.455	1.339	14,162	
1	Chi quản lý hành chính	-	-		
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	1.090	-		
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-	-		
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>				
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.090	-		
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo</i>	90			
-	<i>Nhiệm vụ chuyển đổi số</i>	1.000			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	-	-		
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	-		
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
5	Chi bảo đảm xã hội	-	-		
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 (3 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	23	24	25	26
6	Chi hoạt động kinh tế	-	-		
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-	-		
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	8.365	1.339	16,007	
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	4.029	1.064	26,409	
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	4.336	275	6,342	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	-	-		
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	-	-		
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
II	Nguồn vốn viện trợ	-	-		
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	-	-		

ĐVT: triệu đồng

TRONG ĐÓ:		Thư viện Bắc Ninh số 2			
Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 (3 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	27	28	29	30
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	20	-		
I	Số thu phí, lệ phí, thu khác	20	-		
1	Lệ phí	20	-		
	Lệ phí...	20			
	Lệ phí...				
2	Phí	-	-		
	Phí...				
	Phí ...				
3	Thu khác	-	-		
	Thu học phí				
	Thu biểu diễn nghệ thuật				
	Thu sự nghiệp				
	Thu cho thuê sân vận động				
	Thu khác				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-		
1	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-	-		
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	Chi quản lý hành chính	-	-		
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	-	-		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 (3 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	27	28	29	30
1	Lệ phí	-	-		
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí	-	-		
	Phí ...				
	Phí...				
3	Thu khác				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	9.363	2.391	25,532	
I	Nguồn ngân sách trong nước	9.363	2.391	25,532	
1	Chi quản lý hành chính	-	-		
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	-	-		
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-	-		
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>				
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-	-		
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo</i>				
-	<i>Nhiệm vụ chuyển đổi số</i>				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	-	-		
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	-		
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
5	Chi bảo đảm xã hội	-	-		
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 (3 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	27	28	29	30
6	Chi hoạt động kinh tế	-	-		
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-	-		
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	9.363	2.391	25,532	
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	4.585	1.040	22,679	
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	4.778	1.351	28,269	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	-	-		
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	-	-		
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
II	Nguồn vốn viện trợ	-	-		
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	-	-		

ĐVT: triệu đồng

TRONG ĐÓ:		Nhà hát Chèo Bắc Ninh			
Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 (3 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	31	32	33	34
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	350	380	108,571	
I	Số thu phí, lệ phí, thu khác	350	380	108,571	
1	Lệ phí	-	-		
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí	-	-		
	Phí...				
	Phí ...				
3	Thu khác	350	380	108,571	
	Thu học phí				
	Thu biểu diễn nghệ thuật	350	380	108,571	
	Thu sự nghiệp				
	Thu cho thuê sân vận động				
	Thu khác				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-		
1	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-	-		
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	Chi quản lý hành chính	-	-		
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	35	-		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 (3 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	31	32	33	34
1	Lệ phí	-	-		
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí	-	-		
	Phí ...				
	Phí...				
3	Thu khác	35			
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	21.194	2.788	13,155	
I	Nguồn ngân sách trong nước	21.194	2.788	13,155	
1	Chi quản lý hành chính	-	-		
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	-	-		
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-	-		
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>				
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-	-		
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo</i>				
-	<i>Nhiệm vụ chuyển đổi số</i>				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	-	-		
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	-		
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
5	Chi bảo đảm xã hội	-	-		
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 (3 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	31	32	33	34
6	Chi hoạt động kinh tế	-	-		
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-	-		
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	21.194	2.788	13,155	
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	12.104	2.485	20,530	
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	9.090	303	3,333	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	-	-		
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	-	-		
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
II	Nguồn vốn viện trợ	-	-		
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	-	-		

ĐVT: triệu đồng

TRONG ĐÓ:		Nhà hát Dân ca Quan họ Bắc Ninh			
Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 (3 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	35	36	37	38
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	1.000	260	26,000	
I	Số thu phí, lệ phí, thu khác	1.000	260	26,000	
1	Lệ phí	-	-		
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí	-	-		
	Phí...				
	Phí ...				
3	Thu khác	1.000	260	26,000	
	Thu học phí				
	Thu biểu diễn nghệ thuật	1.000	260	26,000	
	Thu sự nghiệp				
	Thu cho thuê sân vận động				
	Thu khác				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-		
1	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-	-		
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	Chi quản lý hành chính	-	-		
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	-	-		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 (3 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	35	36	37	38
1	Lệ phí	-	-		
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí	-	-		
	Phí ...				
	Phí...				
3	Thu khác				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	17.022	1.471	8,642	
I	Nguồn ngân sách trong nước	17.022	1.471	8,642	
1	Chi quản lý hành chính	-	-		
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	-	-		
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-	-		
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>				
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-	-		
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo</i>				
-	<i>Nhiệm vụ chuyển đổi số</i>				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	-	-		
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	-		
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
5	Chi bảo đảm xã hội	-	-		
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 (3 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	35	36	37	38
6	Chi hoạt động kinh tế	-	-		
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-	-		
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	17.022	1.471	8,642	
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	7.661	1.338	17,460	
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	9.361	133	1,426	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	-	-		
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	-	-		
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
II	Nguồn vốn viện trợ	-	-		
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	-	-		

ĐVT: triệu đồng

TRONG ĐÓ:		Trung tâm Văn hóa và Xúc tiến du lịch Bắc Ninh			
Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 (3 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	39	40	41	42
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-	-		
I	Số thu phí, lệ phí, thu khác	-	-		
1	Lệ phí	-	-		
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí	-	-		
	Phí...				
	Phí ...				
3	Thu khác	-	-		
	Thu học phí				
	Thu biểu diễn nghệ thuật				
	Thu sự nghiệp				
	Thu cho thuê sân vận động				
	Thu khác				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-		
1	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-	-		
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	Chi quản lý hành chính	-	-		
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	-	-		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 (3 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	39	40	41	42
1	Lệ phí	-	-		
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí	-	-		
	Phí ...				
	Phí...				
3	Thu khác				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	52.207	5.497	10,529	
I	Nguồn ngân sách trong nước	52.207	5.497	10,529	
1	Chi quản lý hành chính	-	-		
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	-	-		
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-	-		
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>				
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-	-		
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo</i>				
-	<i>Nhiệm vụ chuyển đổi số</i>				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	-	-		
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	-		
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
5	Chi bảo đảm xã hội	-	-		
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 (3 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	39	40	41	42
6	Chi hoạt động kinh tế	-	-		
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-	-		
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	52.207	5.497	10,529	
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	14.082	3.158	22,426	
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	38.125	2.339	6,135	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	-	-		
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	-	-		
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
II	Nguồn vốn viện trợ	-	-		
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	-	-		

ĐVT: triệu đồng

TRONG ĐÓ:		Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao Bắc Ninh số 1			
Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 (3 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	43	44	45	46
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	1.120	277	24,732	
I	Số thu phí, lệ phí, thu khác	1.120	277	24,732	
1	Lệ phí	-	-		
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí	-	-		
	Phí...				
	Phí ...				
3	Thu khác	1.120	277	24,732	
	Thu học phí				
	Thu biểu diễn nghệ thuật				
	Thu sự nghiệp				
	Thu cho thuê sân vận động	1.120	277	24,732	
	Thu khác				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-		
1	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-	-		
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	Chi quản lý hành chính	-	-		
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	50	26	52,000	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 (3 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	43	44	45	46
1	Lệ phí	-	-		
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí	-	-		
	Phí ...				
	Phí...				
3	Thu khác	50	26	52,000	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	92.272	12.041	13,049	
I	Nguồn ngân sách trong nước	92.272	12.041	13,049	
1	Chi quản lý hành chính	-	-		
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	-	-		
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-	-		
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>				
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-	-		
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo</i>				
-	<i>Nhiệm vụ chuyển đổi số</i>				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	-	-		
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	-		
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
5	Chi bảo đảm xã hội	-	-		
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 (3 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	43	44	45	46
6	Chi hoạt động kinh tế	-	-		
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-	-		
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-	-		
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	-	-		
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	92.272	12.041	13,049	
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	9.306	2.364	25,403	
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	82.966	9.677	11,664	
II	Nguồn vốn viện trợ	-	-		
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	-	-		

ĐVT: triệu đồng

TRONG ĐÓ:		Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao Bắc Ninh số 2			
Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 (3 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	47	48	49	50
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-	-		
I	Số thu phí, lệ phí, thu khác	-	-		
1	Lệ phí	-	-		
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí	-	-		
	Phí...				
	Phí ...				
3	Thu khác	-	-		
	Thu học phí				
	Thu biểu diễn nghệ thuật				
	Thu sự nghiệp				
	Thu cho thuê sân vận động				
	Thu khác				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-		
1	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-	-		
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	Chi quản lý hành chính	-	-		
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	-	-		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 (3 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	47	48	49	50
1	Lệ phí	-	-		
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí	-	-		
	Phí ...				
	Phí...				
3	Thu khác				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	98.221	14.316	14,575	
I	Nguồn ngân sách trong nước	98.221	14.316	14,575	
1	Chi quản lý hành chính	-	-		
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	-	-		
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-	-		
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>				
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-	-		
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo</i>				
-	<i>Nhiệm vụ chuyển đổi số</i>				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	-	-		
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	-		
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
5	Chi bảo đảm xã hội	-	-		
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 (3 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	47	48	49	50
6	Chi hoạt động kinh tế	-	-		
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-	-		
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-	-		
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	-	-		
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	98.221	14.316	14,575	
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	11.153	2.270	20,353	
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	87.068	12.046	13,835	
II	Nguồn vốn viện trợ	-	-		
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	-	-		

ĐVT: triệu đồng

TRONG ĐÓ:		Ban Quản lý khu di tích danh thắng và rừng bảo vệ cảnh quan Suối Mơ			
Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 (3 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	51	52	53	54
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	4.095	985	24,054	
I	Số thu phí, lệ phí, thu khác	4.095	985	24,054	
1	Lệ phí	-	-		
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí	-	-		
	Phí...				
	Phí ...				
3	Thu khác	4.095	985	24,054	
	Thu học phí				
	Thu biểu diễn nghệ thuật				
	Thu sự nghiệp				
	Thu cho thuê sân vận động				
	Thu khác	4.095	985	24,054	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	715		
1	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-	715		
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		715		
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	Chi quản lý hành chính	-	-		
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	-	-		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 (3 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	51	52	53	54
1	Lệ phí	-	-		
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí	-	-		
	Phí ...				
	Phí...				
3	Thu khác				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	540	-	-	
I	Nguồn ngân sách trong nước	540	-	-	
1	Chi quản lý hành chính	-	-		
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	-	-		
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-	-		
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>				
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-	-		
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo</i>				
-	<i>Nhiệm vụ chuyển đổi số</i>				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	-	-		
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	-		
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
5	Chi bảo đảm xã hội	-	-		
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 (3 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	51	52	53	54
6	Chi hoạt động kinh tế	-	-		
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-	-		
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	540	-		
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	540			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	-	-		
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	-	-		
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
II	Nguồn vốn viện trợ	-	-		
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	-	-		